

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác,
sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày và đăng Báo Cần Thơ chậm nhất là 05 (năm) ngày, kể từ ngày ký. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Thành ủy, TT. HĐND thành phố;
- Sở, Ban ngành thành phố;
- Quận ủy, TT. HĐND quận;
- Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- UBND quận, huyện;
- VP. UBND thành phố (3B);
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**
(đã ký)
Lê Hùng Dũng

QUY CHẾ
Thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng
dữ liệu về tài nguyên và môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 5 năm 2013 của UBND thành phố Cần Thơ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, đồ đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố Cần Thơ; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường là các hồ sơ, tài liệu, mẫu vật, số liệu được tạo lập, xử lý phải là bản chính, bản gốc được xử lý và lưu trữ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như các loại ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD... hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị trực thuộc phối hợp tốt để xây dựng, quản lý, lưu trữ, cập nhật, khai thác, sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường của thành phố.

Điều 5. Quy định về cung cấp dữ liệu giữa các Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp Danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho các Cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên và môi trường của Bộ, ngành liên quan; cho các quận, huyện và các địa phương giáp ranh;

b) Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện có dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tập hợp xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của thành phố.

Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch và tổ chức tiếp nhận dữ liệu tài nguyên và môi trường do các cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường, trực tiếp là Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm cung cấp dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định. Các dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được cung cấp gồm:

- Các hồ sơ, tài liệu, mẫu vật, số liệu được tạo lập, xử lý và lưu trữ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

- Các dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thu thập trên địa thành phố; các dữ liệu về tài nguyên và môi trường có liên quan đến công tác quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương và các dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương có ranh giới tiếp giáp với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cung cấp Danh mục dữ liệu cho Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương giáp ranh đó;

- Các cơ sở dữ liệu đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như các loại ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD ... hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Hình thức cung cấp dữ liệu:

a) Cung cấp trực tiếp đối với những hồ sơ, dữ liệu là bản chính, bản gốc. Các dữ liệu khác có thể cung cấp trực tiếp hoặc gửi qua mạng thông tin điện tử (trừ tài liệu thuộc bí mật nhà nước), qua đường bưu điện;

b) Dữ liệu số, trên đĩa CD, DVD, băng từ... phải ghi rõ tên, nội dung dữ liệu và cơ quan cung cấp.

3. Thời hạn cung cấp dữ liệu:

a) Việc cung cấp các loại dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường hoặc cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì thời hạn thực hiện theo đúng quy định, yêu cầu;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường định kỳ theo quy định;

c) Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện cung cấp danh mục và dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường qua Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo định kỳ một năm (lấy số liệu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) vào thời gian từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 28 tháng 02 của năm sau.

Điều 6. Yêu cầu đối với dữ liệu được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Tất cả các dữ liệu trước khi được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải được kiểm tra, đánh giá, xử lý theo quy định. Tùy theo loại dữ liệu, cấp độ dữ liệu, hình thức, đặc điểm, tính chất của dữ liệu, mức độ xử lý và cấp độ phổ biến của dữ liệu để cập nhật các dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho hợp lý, khoa học, bảo đảm chính xác, thuận tiện và hiệu quả trong quản lý, khai thác và sử dụng, bảo đảm yêu cầu bảo mật, an toàn dữ liệu.

1. Đối với kết quả của các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường: dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ kết quả nộp lưu theo quy định về quản lý các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ.

2. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường; các quy hoạch, kế hoạch; số liệu kết quả thống kê, tổng hợp, báo cáo; số liệu, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá: dữ liệu được cập nhật là các văn bản, tài liệu, hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công bố, ban hành, phê duyệt (có đóng dấu xác nhận).

3. Đối với kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép và các nội dung liên quan đến cấp phép: dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Đối với dữ liệu về kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo: dữ liệu được cập nhật là toàn bộ hồ sơ vụ việc và việc thực hiện quyết định giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7. Công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng Internet, trang tin điện tử của các cơ quan Trung ương và địa phương nhằm phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá khả năng khai thác, sử dụng, mức độ phổ biến dữ liệu để xây dựng Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP.

Chương II

THU THẬP, QUẢN LÝ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;
2. Bảo đảm dữ liệu được thu thập chính xác, đầy đủ, có hệ thống;
3. Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng;
4. Bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ giữa các tổ chức, đơn vị có liên quan và bảo đảm có sự lồng ghép các hoạt động, nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ trong việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường; hạn chế tối đa việc thu thập lại cùng một nguồn dữ liệu; tận dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
5. Tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 9. Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý việc thu thập, biên mục, lưu trữ, quản lý, cập nhật, xử lý, cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu giúp Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, cập nhật, quản lý, lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành (sửa đổi, bổ sung) Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường áp dụng trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng, tham mưu và trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch thu thập, số hóa, cập nhật, cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của thành phố và tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt theo quy định tại Điều 11, 12, 13, 14 và 15 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin phối hợp với các đơn vị có liên quan để thu thập, tiếp nhận, biên mục, quản lý, cập nhật, tích hợp, khai thác, sử dụng có hiệu quả Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường thành phố;

d) Cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định;

đ) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của thành phố và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang (cổng) thông tin điện tử của Sở và của thành phố; biên tập, phát hành Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của thành phố;

e) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố.

3. Lập kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường:

Căn cứ vào các quy định tại Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành của thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập kế hoạch dự kiến.

Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các Sở, ban, ngành và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của mình dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của thành phố trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, biên mục, lưu trữ, cập nhật, xử lý, cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường qua Trung tâm Công nghệ thông tin theo quy định.

Điều 10. Giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Dữ liệu giao nộp phải là các bản chính, bản gốc.

Điều 11. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu đã được thu thập

1. Nguyên tắc, nội dung kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 17, 18 và 19 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phố.

3. Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn quận, huyện.

Điều 12. Cơ chế tài chính cho hoạt động thu thập, xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố do ngân sách nhà nước bảo đảm.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường; các Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện lập kế hoạch thực hiện thu thập hoặc số hóa của năm sau những dữ liệu chưa ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ tổ chức thực hiện;

b) Đối với kinh phí xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, theo chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chức năng nhiệm vụ được giao, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

2. Phí và lệ phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

**CUNG CẤP, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG
DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 13. Cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu

1. Việc cung cấp, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 và 27 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố quy định cụ thể hình thức cung cấp dữ liệu về tài nguyên môi trường trên internet. Việc cung cấp, khai thác sử dụng dữ liệu trên mạng internet chỉ thực hiện khi điều kiện phù hợp với khả năng, công nghệ thông tin trực tuyến theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp thông tin và bảo đảm khả năng truy cập thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu, tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP của Chính phủ. Mức nộp phí, lệ phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nguyên tắc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng, tránh phải cung cấp nhiều lần cùng một nội dung dữ liệu.

3. Tạo thuận lợi cho các hoạt động trên môi trường mạng.

4. Bảo đảm đầy đủ, chính xác, theo đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.
5. Bảo đảm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.
6. Phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.
7. Phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu. Việc cung cấp, khai thác, sử dụng dữ liệu phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.
8. Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị có thẩm quyền cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân do mình quản lý theo quy định của pháp luật.
9. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường địa phương tham gia nối mạng với Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường quốc gia được quyền khai thác, sử dụng miễn phí các dữ liệu cần thiết để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

Điều 15. Phối hợp chia sẻ dữ liệu

1. Nguyên tắc phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các sở, ngành trên địa bàn thành phố thực hiện theo Điều 28 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT.
2. Nội dung phối hợp, chia sẻ dữ liệu:
 - a) Trong quá trình lập kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi dự thảo kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường đến các sở, ngành có dữ liệu cần thu thập và Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị đóng góp ý kiến để đảm bảo tránh trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ; trong dự thảo kế hoạch cần nêu rõ những hoạt động, nhiệm vụ sẽ phối hợp thực hiện;
 - b) Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu, Trung tâm Công nghệ thông tin phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chuyên môn liên quan đến lĩnh vực cơ sở dữ liệu cần thu thập, xử lý dữ liệu tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chính xác, tin cậy, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực;
 - c) Các đơn vị quản lý dữ liệu và cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nghiệp vụ - kỹ thuật cần thiết để bảo mật hệ thống dữ liệu chung, bảo đảm sự chia sẻ dữ liệu chính xác, kịp thời, hiệu quả cho các tổ chức, cá nhân.

Chương IV

LƯU TRỮ, BẢO QUẢN VÀ AN TOÀN DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 16. Lưu trữ, bảo quản dữ liệu

1. Tất cả các dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý và chuẩn hóa, số hóa dữ liệu để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ.
2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo quy định, quy trình, pháp luật về lưu trữ.

Điều 17. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

1. Việc đảm bảo an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:
 - a) Ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác và tin cậy; đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn cơ sở dữ liệu;
 - b) Có các biện pháp quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống thông tin nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung dữ liệu đối với nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra nhằm bảo đảm cho Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phố thực hiện đúng chức năng, phục vụ đúng đối tượng một cách sẵn sàng, chính xác và tin cậy. Bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường bao gồm các nội dung bảo vệ và bảo mật dữ liệu, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng;
 - c) Xây dựng danh mục cụ thể các dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước; mức độ bảo mật và phương án bảo vệ các dữ liệu.
3. Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, sao và lưu trữ tài liệu: Định kỳ ba tháng một lần sao lưu dữ liệu tài nguyên và môi trường trên đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD) và lưu trữ theo quy trình quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định của pháp luật.

4. Chế độ bảo mật dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương V
XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT
TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 18. Xử lý vi phạm

Việc xử lý vi phạm về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 19. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại và tố cáo.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, xem xét, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày hiệu lực thi hành

Các dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ dữ liệu đó cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 6 tháng, kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải cung cấp cho cơ quan quản lý dữ liệu theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng Cơ quan ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

(đã ký)

Lê Hùng Dũng